

Chương 8

TOÁN TỬ SO SÁNH

1. TS. Nguyễn Tấn Trần Minh Khang
2. ThS. Võ Duy Nguyên
3. ThS. Nguyễn Hoàng Ngân
4. Hồ Thái Ngọc – Source code.

1. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU

- Hiểu được phương thức toán tử so sánh (relational and comparison operators) là gì?
- Cài đặt toán tử so sánh cho các lớp đối tượng.

2. KHÁI NIỆM

1. MỤC TIÊU

- Toán tử so sánh (relational and comparison operators) trong ngôn ngữ lập trình C được sử dụng để so sánh giá trị của biến (variable) này với giá trị của biến khác.
- Mở rộng cho phương pháp lập trình hướng đối tượng (object-oriented programming) với C++ ta có thể nói toán tử so sánh được sử dụng để so sánh đối tượng (object) này với đối tượng khác.
- Hiển nhiên việc so sánh hai đối tượng (object) phải được thực hiện theo một tiêu chí nào đó.

3. CÁC TOÁN TỬ SO SÁNH CƠ BẢN

3. CÁC TOÁN TỬ SO SÁNH CƠ BẢN

- Toán tử so sánh lớn hơn – **greater than** (operator >)
- Toán tử so sánh nhỏ hơn – **less than** (operator <)
- Toán tử so sánh bằng – **equal to** (operator ==)
- Toán tử so sánh khác – **not equal to** (operator !=)
- Toán tử so sánh lớn hơn bằng – **greater than or equal to** (operator >=)
- Toán tử so sánh nhỏ hơn bằng – **less than or equal to** (operator <=)

4. ĐẶT VẤN ĐỀ

4. ĐẶT VẤN ĐỀ

- Hãy định nghĩa các phương thức cần thiết cho lớp đối tượng CHocSinh để các câu lệnh sau có thể thực thi được.
- Đoạn chương trình
 1. CHocSinh a,b;
 2. cin>>a>>b;
 3. **if (a>b)**
 4. cout<<"DTB a lon hon DTB b";
 5. else
 6. cout<<"DTB a ko lon hon b";

5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

— Đoạn chương trình

```
1. CHocSinh a,b;
2. cin>>a>>b;
3. if (a>b)
4.     cout<<"DTB a lon hon DTB b";
5. else
6.     cout<<"DTB a ko lon hon b";
```

— Để giải quyết vấn đề trên ta phải khai báo và định nghĩa phương thức toán tử so sánh lớn hơn cho lớp đối tượng CHocSinh.

5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

```

11.class CHocSinh
12.{
13.    private:
14.        string hoten;
15.        int toan;
16.        int van;
17.        float dtb;
18.    public:
19.        int operator> (CHocSinh&);
20.        int operator< (CHocSinh&);
21.        int operator>= (CHocSinh&);
22.        int operator<= (CHocSinh&);
23.        int operator== (CHocSinh&);
24.        int operator!= (CHocSinh&);
25.};
    
```

5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

— Định nghĩa các phương thức

```

11.int CHocSinh::operator > (CHocSinh &x)
12.{
13.|    if(dtb>x.dtb)
14.|        return 1;
15.|    return 0;
16.}
17.int CHocSinh::operator < (CHocSinh &x)
18.{
19.|    if(dtb<x.dtb)
20.|        return 1;
21.|    return 0;
22.}

```

5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

— Định nghĩa các phương thức

```

11.int  CHocSinh::operator >= (CHocSinh &x)
12.{
13.    if (dtb>=x.dtb)
14.        return 1;
15.    return 0;
16.}
17.int  CHocSinh::operator <= (CHocSinh &x)
18.{
19.    if (dtb<=x.dtb)
20.        return 1;
21.    return 0;
22.}

```

5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

— Định nghĩa các phương thức

```

11.int CHocSinh::operator == (CHocSinh &x)
12.{
13.|   if (dtb==x.dtb)
14.|       return 1;
15.|   return 0;
16.}
17.int CHocSinh::operator != (CHocSinh &x)
18.{
19.|   if (dtb!=x.dtb)
20.|       return 1;
21.|   return 0;
22.}
    
```

6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

— Xem xét đoạn chương trình

```
1. CHocSinh a,b;
```

```
2. cin>>a>>b;
```

```
3. if (a>b)
```

```
4.     cout<<"DTB a lon hon DTB b";
```

```
5. else
```

```
6.     cout<<"DTB a ko lon hon b";
```

— Trong câu lệnh 3 của đoạn chương trình trên ta nói: đối tượng *a* gọi thực hiện phương thức toán tử so sánh lớn hơn với đối số là đối tượng *b*.

6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

— Đoạn chương trình

```
1. CHocSinh a,b;
2. cin>>a>>b;
3. if (a>b)
4.     cout<<"DTB a lon hon DTB b";
5. else
6.     cout<<"DTB a ko lon hon b";
```

— Định nghĩa phương thức

```
11.int CHocSinh::operator > (CHocSinh &x)
12.{
13.    if(dtb>x.dtb)
14.        return 1;
15.    return 0;
16.}
```

7. ỨNG DỤNG

7. ỨNG DỤNG

- Bài toán: Hãy định nghĩa các toán tử so sánh nhỏ hơn và toán tử so sánh lớn hơn cho lớp đối tượng CPhanSo.

```

11.class CPhanSo
12.{
13.    private:
14.        int tu;
15.        int mau;
16.    public:
17.        CPhanSo operator- (CPhanSo) ;
18.        int operator > (CPhanSo) ;
19.        int operator < (CPhanSo) ;
20.};

```

7. ỨNG DỤNG

```

11. CPhanSo CPhanSo::operator - (CPhanSo x)
12. {
13.     CPhanSo temp;
14.     temp.tu=tu*x.mau-mau*x.tu;
15.     temp.mau=mau*x.mau;
16.     return temp;
17. }
    
```

7. ỨNG DỤNG

```

11.int CPhanSo::operator > (CPhanSo x)
12.{
13.    CPhanSo temp = *this - x;
14.    if(temp.tu*temp.mau>0)
15.        return 1;
16.    else
17.        return 0;
18.}

```

7. ỨNG DỤNG

```

11.int CPhanSo::operator < (CPhanSo x)
12.{
13.    CPhanSo temp = *this - x;
14.    if(temp.tu*temp.mau<0)
15.        return 1;
16.    else
17.        return 0;
18.}

```

8. BÀI TẬP

8. BÀI TẬP

- Bài 01: Hãy định nghĩa tất cả các phương thức toán tử so sánh cho lớp đối tượng CPhanSo.
- Bài 02: Hãy định nghĩa tất cả các phương thức toán tử so sánh cho lớp đối tượng CHonSo.
- Bài 03: Hãy định nghĩa tất cả các phương thức toán tử so sánh cho lớp đối tượng CDiem trong mặt phẳng Oxy. Biết rằng tiêu chuẩn so sánh 2 điểm là so sánh theo khoảng cách tới gốc tọa độ. Điểm nào ở xa gốc hơn thì lớn hơn.

8. BÀI TẬP

— Bài 04: Hãy định nghĩa toán tử so sánh bằng và toán tử so sánh khác cho tất cả các đối tượng sau:

1. Lớp điểm (CDiem)
2. Lớp ngày (CNgay)
3. Lớp thời gian (CThoiGian)
4. Lớp đơn thức (CDonThuc)
5. Lớp điểm không gian (CDiemKhongGian)
6. Lớp đường thẳng (CDuongThang)
7. Lớp lớp tam giác (CTamGiac)
8. Lớp hình cầu (CHinhCau)

8. BÀI TẬP

- Bài 05: Hãy định nghĩa tất cả các phương thức toán tử so sánh cho lớp số phức `CSoPhuc` trong toán học. Biết rằng tiêu chuẩn so sánh 2 số phức là so sánh theo mô đun. Mô đun của số phức nào lớn hơn thì số phức đó lớn hơn.
- Nhắc lại:
 - + Cho số phức $z = a + ib$.
 - + Mô đun của số phức z là: $|z| = \sqrt{a^2 + b^2}$

8. BÀI TẬP

- Bài 06: Hãy định nghĩa tất cả các phương thức toán tử so sánh cho lớp đường tròn `CDuongTron` trong toán học. Biết rằng tiêu chuẩn so sánh 2 đường tròn là so sánh theo diện tích. Diện tích của đường tròn nào lớn hơn thì đường tròn đó lớn hơn.